

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MORNING STAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MORNING STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MORNING STAR TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110799402

**3. Ngày thành lập:** 30/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, Ngách 16, Ngõ Đông, Thôn 3, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0327596895

Fax:

Email: morningstarcompany95@gmail.com Website: com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                                                         | 4620     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                  | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống<br>( Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật                                                                                                      | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                            | 4641     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>( Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật) | 4711     |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                              | 4719     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                               | 4721     |
| 9.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                   | 4723     |
| 10. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4724     |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>( Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                 | 4781     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                       | 4789        |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh.                                                                                                             | 4773(Chính) |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>( Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                               | 5610        |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng<br>(Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                        | 5621        |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                            | 5629        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                         | 5630        |
| 19. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm (trừ kinh doanh karaoke)                                                                                                                                                                                   | 5920        |
| 20. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan; Đặt quảng cáo ngoài trời: bảng lớn, pano, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con, ô tô buýt                                                                                                        | 7310        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Thiết kế đồ đạc và trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 22. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Chụp hình, quay phim, tráng rọi ảnh màu                                                                                                                                                                                                      | 7420        |
| 23. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                         | 8130        |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                         | 9639        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ THỊ THU TRANG | Việt Nam  | Thôn 3, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 1.200.000.000         | 80,000    | 001195014491                                                                                            |         |
| 2   | HÀ TIẾN QUÂN     | Việt Nam  | Thôn Mông Phụ, Xã Đường Lâm, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 20,000    | 001088005355                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HÀ THỊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001195014491

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 3, Xã Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội